TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DSST
Ngày: 08-7-2021
V/v tranh chấp nợ tiền mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc Tú T**, sinh năm 1982 – Chủ doanh nghiệp tư nhân C.

Địa chỉ: Số 88, đường K, Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim L**, sinh năm 2001 (Giấy ủy quyền ngày 18/6/2021).

Địa chỉ: Số 88, đường K, Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn T2**, sinh năm 1974 và bà **Lâm Thị Mỹ H** (tên gọi khác: B), sinh năm 1974.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T2: Bà Lâm Thị Mỹ H, sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền ngày 18/6/2021).

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp H2, xã TH, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L và bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2009, ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị Mỹ H có chạy ghe vào mua nước đá và dầu của Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ. Hai bên mua bán theo hình thức gối đầu, dằn cử. Ông T có cho ông T2 và bà H dằn cử nước đá và dầu cuối năm 2009 số tiền là 32.035.000 đồng. Ngày 10/5/2012 nợ thêm 27.900.000 đồng. Tổng kết nợ vào cuối năm 2012 thành số tiền nợ là 59.935.000 đồng. Từ đó trở về sau, ông T2 và bà H không vào lấy nước đá và dầu của ông T nữa. Năm 2018, ông T có gặp ông T2 và bà H trao đổi số nợ thì ông, bà nói khi bán ghe được sẽ trả tiền cho ông T, nhưng đến nay ông T2 và bà H không thanh toán cho ông T. Nay ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C khởi kiện yêu cầu ông T2 và bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 59.935.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Theo lời khai của bị đơn bà Lâm Thị Mỹ H trình bày:

Vợ chồng ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị Mỹ H có mua nước đá và dầu của Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ. Mua bán kiểu gối đầu, trả nợ trước, sau đó lấy hàng và nợ lại. Lúc đầu, việc thanh toán luôn đều đặn. Tuy nhiên sau đó việc làm ăn gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán nợ. Bà H thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ số tiền 59.935.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), bà H xin trả dần 05 tháng đầu mỗi tháng là 500.000 đồng, từ tháng thứ 6 trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Khi nào hết dịch bệnh vợ chồng bà làm ăn được nhiều sẽ trả nhiều hơn hoặc nếu bán được đất sẽ trả hết toàn bộ số nợ trên.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, bị đơn ông Lê Văn T2 trình bày thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Lâm Thị Mỹ H.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân, mã số doanh nghiệp 1702011598 (phô tô chứng thực); 04 tờ giấy theo dõi nợ của ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị Mỹ H (phô tô).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T2 và bà H cùng trả cho Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ số tiền 59.935.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng các điều 155, 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự, buộc ông T2 và bà H trả cho ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C số tiền còn nợ là 59.935.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị Mỹ H có nơi cư trú tại ấp H2, xã TH, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mua nước đá và dầu còn thiếu. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C và ông Lê Văn T2, bà Lâm Thị Mỹ H có quan hệ hợp đồng mua bán tài sản là nước đá và dầu phục vụ cho việc đi ghe biển từ năm 2009, hình thức nợ gối đầu, trả nợ trước, sau đó lấy hàng và nợ lại. Tính đến cuối năm 2012, ông T2 và bà H còn nợ của ông T tổng số tiền là 59.935.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) đến nay chưa thanh toán. Đây là hợp đồng mua bán tài sản, phù hợp quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự về thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận"*. Khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả tiền: *"2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản"*. Do ông T2 và bà H vi phạm việc trả nợ, nên ông T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C yêu cầu ông T2 và bà H phải có nghĩa vụ trả số nợ 59.935.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T2 và bà H đều thừa nhận còn nợ của ông T số tiền trên nhưng xin trả dần hàng tháng, tuy nhiên đại diện nguyên đơn không đồng ý, nên cần buộc ông T2 và bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền 59.935.000 đồng cho ông T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh.

[4] Về án phí: Ông T2 và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 59.935.000 đồng x 5% = 2.996.750 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 357, 430, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C. Buộc ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị Mỹ H phải liên đới trả số tiền 59.935.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) cho ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị Mỹ H phải cùng chịu án phí số tiền 2.996.750 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Trả lại cho ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.498.375 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009334 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Chí Dũng